

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tú Anh

Ông Lê Văn Mỹ

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hưng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Minh – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng góp vốn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 1950/20 Tổ 2, ấp M, xã MT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long

Anh Tô Văn Hc, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 2, ấp K, xã MT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long

Chi Lê Thị D, sinh năm 1988

HKTT: Tổ 08, xóm 5, phường Th Ph, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ: Tổ 2, ấp K, xã MT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ Z, ấp M, xã MT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Tô Thị N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 02, ấp K, xã MT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long

Bà Lê Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 2, ấp K, xã MT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị H, anh Tô Văn Hc và chị Lê Thị D trình bày:

Vào ngày 25/6/2014 âm lịch anh Tô Văn Hc và chị Lê Thị D có tham gia một phần hội do bà Ngô Thị M làm chủ hội, đây hội 3.000.000đ (ba triệu đồng), hội 03 tháng khai một lần, gồm có 11 phần, hội mần ngày 25/12/2016 âm lịch. Trong đây hội này anh Hc, chị D đã đóng được 10 lần hội sống và là người hốt chót. Đến ngày 06/01/2017 âm lịch, bà Mười phải giao tiền hội cho anh Học, chị D là 28.500.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng bà Mười không giao tiền hội. Đây hội này là do bà Lê Thị H đứng tên dùm anh Học, chị D trong sổ hội, nhưng mọi giao dịch như đến kêu hội và đóng hội đều do anh H, chị D thực hiện, bà H không có tham dự.

Vào ngày 29/11/2015 âm lịch, bà Lê Thị H có tham gia một phần hội do bà Ngô Thị M làm chủ hội, hội 2.000.000đ (hai triệu đồng), hội 01 tháng khai một lần, gồm có 15 phần, hội mần ngày 19/02/2017 âm lịch. Trong đây hội này bà đóng được 14 lần hội sống và là người hốt chót. Đến ngày 09/02/2017 âm lịch, bà M phải giao tiền hội cho bà là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) nhưng bà M không giao tiền hội cho đến nay. Tại biên bản đối chất ngày 12/7/2017 bà H trình bày ngày mần hội là ngày 19/01/2017, đến ngày 29/01/2017 tức là 10 ngày sau bà M phải giao hội, nhưng bà M không giao. Bà H khởi kiện yêu cầu bà M trả tiền nợ hội là 27.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay người làm chứng Nguyễn Thị Phương Ch là cháu dâu của bà M, nên bà không đồng ý việc Ch là người làm chứng.

Trong đơn phản tố ngày 21/8/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Ngô Thị M trình bày:

Nguyên vào ngày 25/6/2014 âm lịch, bà có mở và làm chủ 01 đây hội 3.000.000đ, hội này 03 tháng khai 01 lần, gồm 11 phần, hội mần vào ngày 25/12/2016 âm lịch. Bà xác định đây hội này vợ chồng anh Hc, chị D hoàn toàn không có tham gia chơi hội (kèm theo sổ hội và danh sách hội viên). Anh Hc, chị D yêu cầu bà trả số tiền hội 28.500.000đ thì bà không đồng ý. Đây hội mà anh Hc, chị D khởi kiện này là do bà H tham gia, bà H đóng hội sống được 08 lần và đã hốt xong, còn lại 03 lần bà H không đóng. Do vậy bà H còn nợ lại bà 9.000.000đ.

Ngày 29/11/2015 âm lịch, bà có mở và làm chủ hội 2.000.000đ, hội này 01 tháng khai 01 lần, hội mần vào ngày 29/01/2017 âm lịch. Trong đây hội này bà H có tham gia 01 phần, bà H đóng 13 lần hội sống. Sau đó còn 02 lần hội sống nhưng bà H không đóng hội cho bà nữa và cũng không kêu hốt.

Trước đó bà Hoa có tham gia 02 phần hội do bà làm chủ cụ thể như sau:

Hội mở ngày 11/6/2015 âm lịch, hội 2.000.000đ, hội này 01 tháng khai 01 lần, có 12 phần, hội mần vào ngày 12/6/2016 âm lịch, bà H có tham gia 01 phần hội trong đây hội này, bà H đóng được 05 lần hội sống, lần thứ 06 bà H kêu và hốt hội được 16.800.000 đồng. Sau đó H không đóng hội chết cho bà nữa, hiện bà H còn nợ bà 06 lần hội chết, số tiền phải đóng cho bà là 12.000.000đ.

Phần hội thứ hai: Hội mở vào ngày 06/4/2016 âm lịch, hội 3.000.000đ, hội này 02 tháng khai 01 lần, có 15 phần hội, hội mần vào ngày 06/8/2018 âm. Bà H tham gia 01 phần hội trong đây hội này, bà H đóng được 02 lần hội sống, đến lần

thứ 03 bà H cho con gái tên Tô Thị N mượn hốt hụi được 21.300.000đ. Sau khi hốt phần hụi này bà H còn lại tổng cộng là 12 lần hụi chết, số tiền phải đóng là 36.000.000đ. Nhưng tính đến thời điểm ngày 06/6/2017, bà H phải đóng 8 lần hụi chết số tiền phải đóng cho bà là 24.000.000đ.

Tổng cộng bà H còn nợ tiền hụi cả 03 lần chơi hụi của bà M vào ngày 25/6/2014; 11/6/2015; 06/4/2016) số tiền là 9.000.000đ + 12.000.000đ + 24.000.000đ = 45.000.000đ.

Bà M thừa nhận còn nợ bà H số tiền hụi mà bà H khởi kiện đối với dây hụi 29/11/2015 là 25.000.000đ, bà đồng ý trả cho bà H số tiền hụi này.

Đồng thời bà H còn nợ lại những dây hụi ngày 25/6/2014; 11/6/2015; 06/4/2016 thì bà H phải có trách nhiệm trả cho bà tổng cộng 45.000.000đ.

Chị N trình bày: đối với dây hụi mở ngày 06/4/2016 mẹ chị là người đứng tên chơi hụi, bà M điện thoại cho chị là kêu chị ra hốt hụi của mẹ chị để trừ qua tiền nợ của dây hụi khác, chị cũng đồng ý. Chị không có nhận tiền mặt bà Mười có trừ qua số tiền hụi mà chị nợ bà M, nhưng việc này mẹ chị không hay biết gì việc M cho chị hốt dây hụi của mẹ chị. Từ khi chị hốt hụi chị không có đóng hụi lại cho bà M là đúng, vì chị không có tiền và còn nợ tiền hụi của bà M. Chị có ký vào sổ của bà M là có nhận của bà M 25.000.000đ tiền hốt hụi ngày 06/4/2016. Chị nhận tiền hốt hụi của dây hụi này thì chị đồng ý trả cho bà M hụi này, chứ không phải mẹ chị.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời gian chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử tòa án tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Bị đơn: chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 14, 15, 16, 29, 30, 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biên, phường.

Áp dụng khoản 3, 4, 5 Điều 26 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Văn H và chị Lê Thị D yêu cầu bà Ngô Thị M phải trả số tiền hụi là 28.500.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, buộc bà M phải có nghĩa vụ giao cho bà H số tiền là 25.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Ngô Thị M, buộc bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho bà M số tiền là 45.000.000 đồng tiền hụi còn thiếu.

Về án phí: anh H, chị D nộp 1.425.000 đồng, bà H nộp 2.350.000 đồng, bà M nộp 1.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Anh Tô Văn Hc và chị Lê Thị D : Anh Hc và chị D yêu cầu bà Ngô Thị M phải có trách nhiệm trả cho anh Hc, chị D số tiền nợ hui là 28.500.000 đồng, hui mở ngày 25/6/2014, mẫn ngày 25/12/2016. Trong sổ hui mở ngày 25/6/2014 không có tên anh Hc, chị D thì sự việc này phía anh Hc, chị D, bà H cũng thừa nhận, nhưng mọi giao dịch đến kêu và đóng hui đều do anh Hc, chị D thực hiện. Bà Ngô Thị M không thừa nhận việc nợ hui đối với anh Hc, chị D. Theo bà Ngô Thị M thì anh Hc, chị D không có tham gia trong dây hui ngày 25/6/2014, thể hiện trong sổ hui cũng như mọi giao dịch đến kêu và đóng hui đều là do bà Lê Thị H thực hiện.

Tòa án có ra quyết định số 01/QĐ-CCTLCC ngày 20/9/2017 yêu cầu anh Học, chị Diễm cung cấp chứng cứ chứng minh anh Hc, chị D có tham gia dây hui ngày 25/6/2014 âm lịch (BL 107), nhưng anh Hc, chị D không cung cấp. Do đó, anh Hc, chị D phải chịu hậu quả bất lợi do không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại biên bản đối chất ngày 12/7/2017 (BL48-49) và các biên bản xác minh ngày 19/9/2017 (BL92) thì những hui viên tham gia dây hui gồm chị Huỳnh Thanh Tt, bà Trần Thị Hg, anh Nguyễn Thanh Xn đều xác định hui ngày 25/6/2014 âm lịch bà Lê Thị H là người tham gia đến kêu hui và đóng hui, các hui viên không thấy anh Hc, chị D tham gia hui ngày 25/6/2014 âm lịch. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của anh Hc, chị D là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H: bà Lê Thị H yêu cầu bà Ngô Thị M phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ hui là 27.000.000đ, của dây hui ngày 29/11/2015 âm lịch, hui 2.000.000đ, 01 tháng khai 01 lần, gồm 15 phần, bà H đóng hui sống được 14 lần và là người hốt chót, số tiền hốt chót là 28.000.000đ trừ đầu thảo 1.000.000đ, còn 27.000.000đ. Bà Ngô Thị M cũng thống nhất là bà Lê Thị H có tham gia dây hui này, nhưng số lần đóng hui của bà H chỉ là 13 lần, còn 02 lần sau bà H không đến kêu và đóng hui. Bà Ngô Thị M thống nhất trả cho bà H số tiền là 25.000.000đ. Xét việc giao kết hui giữa bà Ngô Thị M và bà Lê Thị H đối với dây hui ngày 29/11/2015 là có thật. Tuy nhiên phía bà H và bà M không thống nhất về số lần đóng hui. Chị Cao Thị Ngọc G xác nhận dây hui này chị là người hốt cuối, phù hợp với lời trình bày của bà Ngô Thị M. Do đó bà M phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 25.000.000 đồng là thỏa đáng.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Ngô Thị M:

Dây hui ngày 25/6/2014 âm lịch, bà có mở và làm chủ 01 dây hui 3.000.000đ, hui này 03 tháng khai 01 lần, gồm 11 phần, hui mẫn vào ngày 25/12/2016 âm lịch. Bà H đóng hui sống và đến lần thứ 08 thì kêu hốt, bà M đã giao hui cho bà H xong, còn lại 03 lần bà H không đóng hui chết lại cho bà M bà H còn nợ lại bà Mười 9.000.000đ. Bà H không thống nhất đã kêu hốt và dây hui này là do anh Hc và chị D tham gia. Nhưng trong sổ hui thể hiện bà H là người đứng tên tham gia hui, những hui viên gồm chị Huỳnh Thanh T, bà Trần Thị Hg, anh Nguyễn Thanh X đều khẳng định bà H kêu hốt lần thứ 8. Do đó, từ việc bà H

không thừa nhận có tham gia dây hui này là không có cơ sở. Việc bà H kêu hốt và không đóng lại đối với dây hui này là có thật. Do đó bà H phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền hui chưa góp là 9.000.000đ.

Dây hui ngày 11/6/2015 âm lịch, hui 2.000.000đ, hui này 01 tháng khui 01 lần, có 12 phần, hui mãn vào ngày 11/6/2016 âm lịch, bà H có tham gia 01 phần hui trong dây hui này, bà H đóng được 05 lần hui sống, lần thứ 06 bà Hoa kêu và hốt hui được 16.800.000 đồng. Sau đó bà H không đóng hui chết cho bà nữa, hiện bà H còn nợ bà 06 lần hui chết, số tiền phải đóng cho bà là 12.000.000đ. Bà H không thừa nhận còn nợ dây hui này, dây hui này bà H hốt chết, bà H không còn liên quan đến dây hui này. Qua xác minh thu thập chứng cứ thì những hui viên tham gia trong dây hui gồm chị Trần Thị V, anh Đoàn Công Tr xác định dây hui ngày 11/6/2015 âm lịch bà H hốt lần thứ 6, không phải là người hốt chết. Chị Phùng Thị L xác định dây hui ngày 11/6/2015 âm lịch chị là người hốt chết. Do đó, xét lời trình bày của bà Hoa là không có cơ sở. Vì vậy việc bà H có nợ bà M số tiền hui này là có thật. Bà H phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền hui mà bà M đã đóng thay cho bà là 12.000.000đ.

Dây hui ngày 06/4/2016 âm lịch, hui 3.000.000đ, hui này 02 tháng khui 01 lần, có 15 phần hui, hui mãn vào ngày 06/8/2018 âm lịch. Bà H tham gia 01 phần hui trong dây hui này, bà H đóng được 02 lần hui sống, đến lần thứ 03 bà Hoa cho con gái tên Tô Thị N mượn hốt hui được 21.300.000đ. Sau khi hốt phần hui này bà H còn lại tổng cộng là 12 lần hui chết, số tiền phải đóng là 36.000.000đ. Nhưng tính đến thời điểm ngày 06/6/2017, bà H phải đóng 8 lần hui chết số tiền phải đóng cho bà là 24.000.000đ. Bà H không thừa nhận việc đồng ý cho bà M giao tiền hui cho N. Do đó trách nhiệm trả tiền hui chết không phải của bà. Chị N cũng thống nhất có nhận số tiền hui mà bà M giao nhưng chị không thừa nhận là việc nhận tiền này có sự đồng ý của mẹ chị là bà H, nên chị đồng ý trả tiền nợ hui này cho bà M chứ không phải là mẹ chị.

Xét việc bà H có tham gia dây hui và có kêu hốt vào lần thứ ba là có thật, thể hiện qua việc xác định của chị Võ Thị Tuyết M (BL95), bà Trần Thị H (BL94), chị Trần Thị Kim P (BL 91), bà Nguyễn Thị T, chị Trần Thị V. Những hui viên tham gia dây hui cũng xác định bà H đồng ý cho chị N mượn số tiền hui. Do đó trách nhiệm trả tiền hui mà bà M đã đóng thay trong dây hui này là thuộc về bà H. Bà H có quyền khởi kiện chị N bằng một vụ kiện khác để đòi lại số tiền bà cho mượn nếu có yêu cầu.

Từ những phân tích trên cần buộc bà Lê Thị H trả cho bà Ngô Thị M số tiền hui còn nợ qua các dây hui gồm ngày 25/6/2014 âm lịch là 9.000.000đ + ngày 11/6/2015 âm lịch là 12.000.000đ + ngày 06/4/2016 âm lịch là 24.000.000đ = 45.000.000đ.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Tô Văn Hc và chị Lê Thị D phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được tòa án chấp nhận.

Buộc bà Lê Thị H phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải trả cho bà Mười và án phí của 2.000.000 đồng không được tòa án chấp nhận, án phí: 47.000.000 đồng x 5% = 2.350.000 đồng

Buộc bà Ngô Thị M phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải trả cho bà H, án phí: 25.000.000 đồng x 5% = 1.250.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29, Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hộ, hội, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Tô Văn Hc và chị Lê Thị D đối với yêu cầu bà Ngô Thị M phải trả số tiền hội là 28.500.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với bà Ngô Thị M

Buộc bà Ngô Thị M phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền nợ hội là 25.000.000 đồng

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Ngô Thị M đối với bà Lê Thị H

Buộc bà Lê Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị M số tiền nợ hội là 45.000.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Tô Văn Hc và chị Lê Thị D nộp 1.425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 712.500 đồng theo biên lai thu số 0011786 ngày 12/06/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Anh Hc, chị D còn phải nộp thêm 712.500 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Buộc bà Lê Thị H nộp 2.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 675.000đ theo biên lai thu số 0011785 ngày 12/06/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, bà H còn phải nộp thêm là 1.675.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân

Buộc bà Ngô Thị M nộp 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.125.000đ theo biên lai thu số 0011884 ngày 23/8/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Bà M được nhận lại 125.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình Tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Dương

THẨM

Nơi nhận :

- *TAND tỉnh VL;*
- *VKSND huyện Bình Tân;*
- *THADS huyện Bình Tân;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương